

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ HẢI PHÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /2022/NQ-ĐHĐCĐ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát;
- Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số /2022/BB-DHĐCĐ ngày / /2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua các nội dung cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022.

Trong đó một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021.

- Tổng Doanh thu năm 2021 của Công ty mẹ đạt 876,3 tỷ đồng, hợp nhất đạt 1.850,9 tỷ đồng (bao gồm cả doanh thu tài chính);
- Tổng lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 155,5 tỷ đồng và hợp nhất đạt 328,2 tỷ đồng (bao gồm cả doanh thu tài chính), trong đó lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ là 289,3 tỷ đồng).
- Tổng tài sản Công ty mẹ đạt 9.905,1 tỷ đồng và hợp nhất đạt 9.581,6 tỷ đồng.

(Số liệu theo báo cáo tài chính tự lập. Số liệu sẽ được cập nhật khi phát hành báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam).

b. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022.

- Doanh thu năm 2022 của Công ty mẹ/hợp nhất khoảng 2.700 tỷ đồng.

(ii) Lợi nhuận của Công ty mẹ/hợp nhất đạt tối thiểu khoảng 450 tỷ đồng.

(iii) Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến từ lợi nhuận năm 2022: Tối thiểu 10%

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo số /BC-BTGD ngày / /2022 của Tổng giám đốc Công ty).

2. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính hợp nhất và riêng Công ty mẹ năm 2021 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

2.1. Các chỉ tiêu chính của Bảng cân đối kế toán (đã được kiểm toán)

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2021 (tỷ đồng)	
	Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
TÀI SẢN		
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.729,24	6.782,68
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	621,16	634,72
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	329,01	330,15
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	983,62	1.844,39
4. Hàng tồn kho	2.788,43	3.875,99
5. Tài sản ngắn hạn khác	7,02	97,43
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	5.175,83	2.798,89
1. Các khoản phải thu dài hạn	562,67	562,71
2. Tài sản cố định	2,39	71,31
3. Bất động sản đầu tư	450,88	931,15
4. Tài sản dở dang dài hạn	48,28	91,88
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.771,94	784,84
6. Tài sản dài hạn khác	339,67	357,00
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	9.905,07	9.581,57
NGUỒN VỐN		
A. NỢ PHẢI TRẢ	6.625,41	6.050,00

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2021 (tỷ đồng)	
	Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
I. Nợ ngắn hạn	3.535,49	3.414,23
II. Nợ dài hạn	3.089,92	2.635,77
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.279,66	3.531,57
1. Vốn cổ phần	3.041,69	3.041,69
2. Thặng dư vốn cổ phần	60,99	60,99
3. Quỹ khác thuộc VCSH		1,08
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	176,98	230,39
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		197,42
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	9.905,07	9.581,57

2.2. Các chỉ tiêu chính của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (đã được kiểm toán):

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2021 (tỷ đồng)	
		Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	464,81	1.392,79
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	464,80	1.392,79
4	Giá vốn hàng bán	397,70	1.039,61
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67,10	353,18
6	Doanh thu hoạt động tài chính	411,52	458,15
7	Chi phí tài chính	216,00	246,94
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>202,12</i>	<i>213,20</i>
8	Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên danh		-
9	Chi phí bán hàng	10,78	23,21

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2021 (tỷ đồng)	
		Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	63,42	135,26
11	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	188,42	405,92
12	Thu nhập khác	16,10	21,62
13	Chi phí khác	3,20	10,93
14	Lợi nhuận khác	12,90	10,69
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	201,32	416,61
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	48,01	97,15
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2,16)	(8,75)
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	155,47	328,21
18.1	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ		289,28
18.2	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		38,93
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		929

Ghi chú: Số liệu báo cáo tài chính trên là báo cáo tự lập, khi có báo cáo tài chính được kiểm toán thì số liệu sẽ tiếp tục được cập nhật.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày / /2022 của HĐQT Công ty).

3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2021, phương án chi trả cổ tức năm 2021.

Một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

	Diễn giải	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1.	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 (theo báo cáo được kiểm toán)	155.473.359.655	
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2021 (theo báo cáo được kiểm toán)	176.979.976.671	
3.	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% Lợi nhuận sau thuế năm 2021)	7.773.667.983	

	Diễn giải	Số tiền (đồng)	Ghi chú
4.	Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5%	152.084.290.000	
5.	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã phân phối	17.122.018.688	

Ghi chú: Số liệu báo cáo tài chính trên là báo cáo tự lập, khi có báo cáo tài chính được kiểm toán thì số liệu sẽ tiếp tục được cập nhật.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty: Quyết định thời điểm thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày / /2022 của HĐQT Công ty).

4. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo số /BC-HĐQT ngày / /2022 của HĐQT Công ty).

5. Thông qua báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo số /BC-UBKT ngày / /2022 của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán).

6. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

Đại hội đồng cổ đông:

- (i) Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- (ii) Ủy quyền cho Tổng Giám đốc lựa chọn thời điểm, thương thảo, đàm phán và ký kết hợp đồng kiểm toán với đơn vị kiểm toán được phê duyệt theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số /TTr-UBKT ngày / /2022 của Ủy ban Kiểm toán).

7. Thông qua quyết toán thù lao của HĐQT, các Ủy Ban trực thuộc HĐQT năm 2021 và kế hoạch thù lao HĐQT và các Ủy Ban trực thuộc HĐQT năm 2022.

Một số nội dung chủ yếu như sau:

7.1. Quyết toán thù lao của HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2021.

- a) Thù lao của HĐQT và các Ủy Ban trực thuộc HĐQT đã thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua là: **7.020.000.000** đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, không trăm hai mươi triệu đồng*).
- b) Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và các Ủy Ban trực thuộc HĐQT trong năm 2021 là: **6.165.120.000** đồng (*Bằng chữ: Sáu tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi ngàn đồng*).

7.2. Kế hoạch thù lao của HĐQT và các Ủy Ban trực thuộc HĐQT năm 2022.

- a) Tổng mức thù lao đối với HĐQT và các Ủy Ban trực thuộc HĐQT năm 2022 tổng cộng là **7.020.000.000** đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, không trăm hai mươi triệu đồng*).
- b) Mức thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên thuộc các Ủy Ban trực thuộc Hội đồng quản trị trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày / /2022 của HĐQT Công ty).

8. Thông qua việc sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông:

8.1. Thông qua việc sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh chính
1.	Bán buôn tổng hợp (Mã CPC622) Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không gắn lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa theo quy định của pháp luật (<i>trừ việc thực hiện việc xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật</i>).	4690	
2.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh chính
	(Mã CPC 632) Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không gắn lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định của pháp luật (<i>trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật</i>).		
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã CPC 632) Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định của pháp luật (<i>trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật</i>).	8299	
4.	Chuẩn bị mặt bằng (<i>trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn</i>) (Mã CPC 511)	4312	
5.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (<i>trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghỉ trang, nghỉ địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng</i>).	6810	X

8.2. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định:

- (i) Thời điểm sửa đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh như nêu tại Mục 8.1 kể trên.
- (ii) Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh lại nội dung của các ngành nghề nêu tại Mục 8.2 kể trên khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
- (iii) Các vấn đề khác có liên quan trong việc thực hiện các thủ tục sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; sửa đổi, bổ

sung điều lệ công ty (điều khoản quy định về ngành nghề kinh doanh) cho phù hợp với việc thay đổi ngành nghề kinh doanh; công bố thông tin và các công việc khác có liên quan đến việc sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các nội dung trên trước Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp gần nhất

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày / /2022 của HĐQT Công ty).

9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và giao, ủy quyền cho:

9.1. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định:

- (i) Thời điểm sửa đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh.
- (ii) Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh lại nội dung của các ngành nghề khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
- (iii) Các vấn đề khác có liên quan trong việc thực hiện các thủ tục sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty (điều khoản quy định về ngành nghề kinh doanh) cho phù hợp với việc thay đổi ngành nghề kinh doanh; công bố thông tin và các công việc khác có liên quan đến việc sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty.

9.2. Giao cho Người có thẩm quyền ký ban hành Điều lệ.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày/...../2022 của HĐQT Công ty).

10. Thông qua các giao dịch đối với người có liên quan thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày / /2022 của HĐQT Công ty).

Điều 2: Điều khoản thi hành.

- 2.1. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chủ động, quyết định, xây dựng kế hoạch và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết (bao gồm cả các công việc phát sinh liên quan đến các nội dung đã thông qua) để triển khai thành công Nghị quyết này.
- 2.2. Cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Ban chuyên môn có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
- 2.3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, VP.HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Đỗ Quý Hải